

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 274/2019/DS-PT
Ngày: 23-10-2019
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
tài sản, bồi thường thiệt hại về tài
sản, hợp đồng vay tài sản và hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

Các thẩm phán:

Bà Lê Thị Kim Nga

Ông Hồ Chí Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Ngọc Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An: Bà Đặng Thị Cẩm Chi - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 23 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 275/2019/TLPT-DS ngày 17 tháng 9 năm 2019, về “tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, bồi thường thiệt hại về tài sản, hợp đồng vay tài sản và hụi”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 51/2019/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 257/2019/QĐPT-DS ngày 13 tháng 8 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 199/2019/QĐ-PT ngày 15 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1979.

Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp Nhơn Hoà 1, xã Đức Hoà Thượng, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An.

Địa chỉ hiện nay: Ấp 5, xã Thạnh Lợi, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông K: Ông Từ Thái H, sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ: B71 Phú Thọ, Phường 1, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: 603 Lô B, chung cư Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo giấy uỷ quyền ngày 02/4/2019)

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông K: Luật sư Lê Minh Tuấn - Công ty Luật TNHH A.B.C - thuộc đoàn luật sư tỉnh Long An.

- Bị đơn:

1. Bà Mai Thị Ngọc B, sinh năm 1963;
2. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1958;
3. Ông Nguyễn Minh L, sinh năm 1986;

Cùng địa chỉ: Ấp 4, xã Thạnh Lợi, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà B, ông T, ông L: Ông Võ Hoà Th, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: ấp 6, xã Nhựt Chánh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

(Theo giấy uỷ quyền ngày 22/3/2019)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1982(có mặt);

Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp Nhơn Hoà 1, xã Đức Hoà Thượng, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An.

Địa chỉ hiện nay: ấp 5, xã Thạnh Lợi, huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Có mặt.

2. Ông Thạch Văn L, sinh năm 1990 (vắng mặt-có đơn yêu cầu vắng mặt);

Địa chỉ: ấp 1, xã Thạnh Lợi, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

3. Bà Huỳnh Thị C, sinh năm 1992 (vắng mặt-có đơn yêu cầu vắng mặt);

Địa chỉ: ấp 1, xã Thạnh Lợi, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

4. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1928 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Nhơn Hoà 1, xã Đức Hoà Thượng, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An.

- Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích, Ông Nguyễn Văn T, Ông Nguyễn Minh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 11/3/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 27/3/2019, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 14/6/2019, trong quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn sơ thẩm nguyên đơn Ông Nguyễn Văn K trình bày như sau:

Tháng 12/2017, giữa ông K và bà B hùn vốn mua một chiếc xe tải 08 tấn, nhãn hiệu DOTHANH với giá 800.000.000đồng để kinh doanh chở hàng hoá. Mỗi bên góp tiền mặt 150 triệu đồng, tổng cộng thanh toán tiền mặt được 300 triệu đồng. Số tiền còn lại thoả thuận để bà B đứng tên giấy tờ xe biển số 62C-103.91 và thế chấp để vay vốn 512 triệu đồng tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, bà B là người đứng tên hợp đồng vay, thời hạn 03 năm, thanh toán gốc hàng tháng mỗi tháng 14.222.222đồng và tiền lãi phát sinh.

Sau khi mua xe thì hai bên thoả thuận giao xe cho ông K chạy xe để chở hàng thuê, lợi nhuận kiếm được chia đôi. Số tiền trả hàng tháng cho Ngân hàng được chia đôi. Tổng số tiền thanh toán tại ngân hàng từ tháng 01/2018 đến tháng 4/2018 là 69.322.253đồng (bao gồm 56.888.888đồng nợ gốc và 12.433.365đồng nợ lãi), mỗi người đóng là 34.661.126đồng.

Đến tháng 4 năm 2018, vợ chồng và con bà B thoả thuận miệng bán lại xe cho ông K luôn. Theo thoả thuận thì hàng tháng ông K phải trả nợ tại ngân hàng cho đến khi trả hết nợ và phải trả lại cho bà B số tiền 190 triệu đồng bà B đã đầu tư vào chiếc xe bao gồm 150 triệu đồng tiền mặt đã góp khi hùn mua xe và số tiền góp hàng tháng trả tiền ngân hàng từ tháng 01/2018 đến tháng 4/2018 làm tròn là 40 triệu đồng. Sau khi thoả thuận xong thì ông K đã trả đủ cho bà B 40 triệu đồng và hàng tháng vẫn thanh toán tiền ngân hàng.

Ngày 08/8/2018, ông Huỳnh là cha của ông K rút tiền từ ngân hàng thay ông K trả cho bà B số tiền 150 triệu đồng theo thoả thuận mua bán tháng 4/2018. Do ông K đã thanh toán đủ số tiền mua xe cho bà B nên bà B cùng với chồng là ông T và con trai là ông L ký hợp đồng sang nhượng xe cho ông K. Do giấy tờ xe vẫn thế chấp tại ngân hàng nên chưa thể công chứng được.

Từ tháng 5/2018 đến tháng 11/2018 ông K giao cho bà B để bà B thanh toán cho ngân hàng đầy đủ với tổng số tiền 126.253.233đồng (gồm 99.555.554đồng nợ gốc và 26.697.679đồng nợ lãi).

Tháng 12/2018 và tháng 01/2019 do ông K chạy xe khó khăn nên không có đủ tiền trả ngân hàng nên nhờ bà B trả tiền ngân hàng trong hai tháng này. Khoảng 10 giờ đêm ngày 20/02/2019, bà B và 3 người khác đến lấy xe của ông K. Ngày 11/3/2019, bà B bán lại xe ô tô này cho Ông Thạch Văn L.

Tại đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung, ông K khởi kiện yêu cầu:

- Buộc Bà Mai Thị Ngọc B, Ông Nguyễn Văn T, Ông Nguyễn Minh L tiếp tục thực hiện hợp đồng mua bán xe tải biển số 62C – 103.91 và giao chiếc xe trên cho Ông Nguyễn Văn K.

- Buộc bà B, ông T, ông L bồi thường cho ông K thiệt hại do những ngày xe tải không chạy, mỗi ngày 2.000.000đồng, tạm tính từ ngày 21/02/2019 đến ngày 11/3/2019 là 38.000.000đồng.

- Yêu cầu vô hiệu hợp đồng mua bán xe ngày 11/3/2019 giữa Bà Mai Thị Ngọc B, Ông Nguyễn Văn T với Ông Thạch Văn L.

Tuy nhiên, tại đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện và tại phiên toà, ông K chỉ yêu cầu tuyên bố hợp đồng mua bán giữa Ông Nguyễn Văn K với Bà Mai Thị Ngọc B, Ông Nguyễn Văn T, Ông Nguyễn Minh L ngày 08/8/2018 và hợp đồng miệng tháng 4/2018 vô hiệu. Yêu cầu giải quyết hậu quả hợp đồng, buộc bà B, ông T và ông L phải trả lại cho ông K 500.914.359đồng, không yêu cầu bồi thường thiệt hại. Ông K rút lại yêu cầu khởi kiện về việc tiếp tục hợp đồng mua bán, rút yêu cầu bồi thường thiệt hại và rút yêu cầu vô hiệu hợp đồng mua bán giữa ông K với bà B và ông T.

Đối với yêu cầu phản tố của bà B về hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi, ông K có ý kiến:

- Giấy nợ ngày 21/10/2018 là do ông K viết và ký tên, chữ ký Nguyễn Thị Đậm trong giấy nợ là của bà Đậm. Ông K thừa nhận vay của bà B số tiền 100 triệu đồng vào ngày 21/10/2018, lãi suất 3%/tháng, không thoả thuận về thời hạn trả. Ông K đã đóng lãi được 03 tháng với số tiền 9 triệu đồng tiền lãi nhưng không có chứng cứ chứng minh việc đóng lãi. Nay ông K đồng ý trả cho bà B 100 triệu đồng, không yêu cầu xem xét tiền lãi đã đóng.

- Dây hụi số 1: Hụi 2.000.000đồng, khai ngày 10/6/2017, gồm 31 phần, ông K, bà Đậm chơi 1 phần hụi ngày 10/02/2018 (kỳ thứ 9) và đóng lại đến ngày 10/11/2018 (kỳ thứ 18) thì ngưng không đóng. Số tiền còn nợ trong dây hụi này là $13 \text{ kỳ} \times 2.000.000\text{đ} = 26.000.000\text{đồng}$. Số kỳ vi phạm đến nay là 08 kỳ với số tiền vi phạm là 16.000.000đồng. Ông K đồng ý thanh toán toàn bộ số nợ còn lại của dây hụi này là 26.000.000 đồng.

- Dây hụi số 2: Hụi ngày 100.000đồng/ngày nhưng đóng theo tháng là 3.000.000đồng/tháng, hụi chết đóng 3.600.000đ/tháng. Hụi gồm 12 tháng. Ông K, bà Đậm chơi 6 phần và hụi hụi ở kỳ đầu tiên, ông K, bà Đậm đóng tới ngày 10/2/2019 (kỳ thứ 6) thì ngưng không đóng. Số tiền còn nợ trong dây hụi này là $6 \text{ kỳ} \times 3.600.000\text{đ/tháng} \times 6 \text{ tháng} = 129.600.000\text{đồng}$. Số kỳ vi phạm đến nay là 05 tháng với số tiền vi phạm là 108.000.000đồng. Ông K đồng ý thanh toán toàn bộ số nợ còn lại của dây hụi này là 129.600.000đồng.

- Dây hụi thứ 3: Hụi 2.000.000đồng khai ngày 30/4/2018, gồm 28 phần, ông K và bà B chỉ mượn 1 phần của người khác vào ngày 30/9/2018 (kỳ thứ 6), nhận số tiền số tiền nhận là 45.800.000 đồng. Thoả thuận đến 30/7/2020 phải trả cho bà B là 55 triệu đồng và mỗi tháng bù lãi cho bà B 400.000 đồng cho đến khi mãn là 22 tháng. Ông K đã trả lãi được 3 tháng đến 30/12/2018 thì ngưng không trả. Đến nay vi phạm nghĩa vụ bù lãi 7 tháng là 2.800.000đồng. Ông K đồng ý trả cho bà B 45.800.000đồng tiền thực nhận và 2.800.000đồng tiền lãi, tổng cộng 48.600.000đồng.

Tổng số tiền ông K còn nợ bà B là 304.200.000đồng, mặc dù có một số phần hụi chưa đến hạn thanh toán nhưng ông K đồng ý trả dứt điểm và khấu trừ số tiền này trong số tiền bà B phải trả cho ông K theo hợp đồng mua bán xe.

Bị đơn Bà Mai Thị Ngọc B, Ông Nguyễn Văn T và Ông Nguyễn Minh L do Ông Võ Hòa Th đại diện theo ủy quyền trình bày tại giai đoạn sơ thẩm như sau:

Tháng 12 năm 2017, bà B mua một chiếc xe tải 08 tấn, nhãn hiệu DOTHANH. Số tiền mặt thanh toán sau khi mua xe là 275 triệu đồng, số tiền còn lại bà B thế chấp giấy chứng nhận đăng ký xe để vay vốn tại ngân hàng vay số tiền 512 triệu đồng và trả tiền vay hàng tháng. Không có việc ông K hùn 150 triệu đồng tiền mặt và góp hàng tháng trả tiền ngân hàng. Sau khi bà B mua xe thì bà B cho ông K thuê xe nên ông K trực tiếp quản lý, sử dụng. Mỗi tháng ông K trả cho bà B 10 triệu đồng, trong đó 4 triệu tiền hụi và 6 triệu tiền thuê xe.

Tháng 4/2018 bà B đồng ý bán xe cho ông K với thoả thuận: Ông K phải trả

tiền nợ hàng tháng tại Ngân hàng cho đến khi hết nợ. Số tiền bà B đã bỏ ra mua xe bằng tiền mặt là 275 triệu đồng và 4 tháng thanh toán tiền ngân hàng là 74.903.000đồng, làm tròn là 350 triệu đồng thì ông K phải có trách nhiệm trả lại cho bà B. Thực hiện hợp đồng thì bà B giao xe cho ông K luôn vì trước đây ông K vẫn quản lý xe theo hợp đồng thuê. Ông K thanh toán tiền tại Ngân hàng từ tháng 5/2018 đến tháng 11/2018 với số tiền 126.253.233đồng nhưng chưa thanh toán số tiền 350.000.000đồng như đã thỏa thuận với bà B.

Tháng 8/2018, ông K đề nghị bà B xác lập giấy mua bán để có cơ sở mượn tiền cha ông K để trả tiền cho bà B nên mới ký Giấy sang nhượng xe ô tô. Thỏa thuận sau khi ông K trả toàn bộ tiền cho bà B thì sẽ liên hệ ngân hàng để thực hiện việc ký chuyển quyền sở hữu cho ông K và chuyển giao nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng. Tuy nhiên, sau khi ký giấy tay cho ông K thì ông K không thanh toán cho bà B số tiền 350.000.000đồng.

Từ tháng 12/2018 đến tháng 2/2019 ông K không thanh toán tiền ngân hàng nên bà B hối thúc ông K thanh toán nhiều lần nhưng ông K không trả. Ngân hàng yêu cầu bà B thanh toán nếu không sẽ chuyển thành nợ quá hạn. Do đó bà B yêu cầu ông K giao xe để bà B thanh lý xe, trả nợ cho ngân hàng vì đó là nghĩa vụ của bà B.

Ngày 11/3/2019, bà B đã bán chiếc xe này cho Ông Thạch Văn L với giá 600 triệu đồng. Ông Lộc đã giao đủ tiền cho bà B và bà B đã giao xe cho ông Lộc ngay sau thời điểm hợp đồng được công chứng. Hiện nay ông Lộc cũng đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký xe.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu vô hiệu hợp đồng mua bán giữa ông K với bà B, ông T, ông L thì bị đơn đồng ý. Giải quyết hậu quả hợp đồng thì bà B, ông T và ông L đồng ý trả lại cho ông K số tiền thanh toán tại ngân hàng từ tháng 5/2018 đến tháng 11/2018 là 126.253.233đồng. Việc vô hiệu hợp đồng không gây thiệt hại cho bị đơn nên bị đơn không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Ngoài ra, bà B có yêu cầu phản tố đối với ông K và bà Đạm đối với hợp đồng vay tài sản và hui như sau:

Ngày 21/10/2018, ông K và bà Đạm vay của bà B 100 triệu đồng, không lãi suất và không thời hạn trả. Bà B đã yêu cầu ông K trả số tiền này nhưng ông K và bà Đạm không trả nên nay yêu cầu ông K, bà Đạm trả 100 triệu đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

- Dây hui số 1: Hui 2.000.000đồng, khai ngày 10/6/2017, gồm 31 phần, ông K, bà Đạm chơi 1 phần hót ngày 10/02/2018 (kỳ thứ 9) và đóng lại đến ngày 10/11/2018 (kỳ thứ 18) thì ngưng không đóng. Số tiền còn nợ trong dây hui này là $13 \text{ kỳ} \times 2.000.000\text{đ} = 26.000.000\text{đồng}$. Số kỳ vi phạm đến nay là 08 kỳ với số tiền vi phạm là 16.000.000đồng.

- Dây hui số 2: Hui ngày 100.000đồng/ngày nhưng đóng theo tháng là 3.000.000đồng/tháng, hui chết đóng 3.600.000đ/tháng. Hui gồm 12 tháng. Ông K bà Đạm chơi 6 phần và hót hui ở kỳ đầu tiên, ông K bà Đạm đóng tới ngày 10/2/2019 (tháng thứ 6) thì ngưng không đóng. Số tiền còn nợ trong dây hui này là

6 tháng x 3.600.000đ/tháng x 6 tháng = 129.600.000đồng. Số kỳ vi phạm đến nay là 05 tháng với số tiền vi phạm là 108.000.000đồng.

- Dây hụi thứ 3: Hụi 2.000.000đồng khai ngày 30/4/2018, gồm 28 phần, ông K bà Đậm có tham gia chơi 1 phần và mượn của người khác 1 phần. Trong đó:

Phần mượn: Mượn ngày 30/9/2018 (kỳ thứ 6), ông K bà Đậm nhận số tiền số tiền nhận là 45.800.000 đồng. Thỏa thuận đến 30/7/2020 ông K, bà Đậm phải trả cho bà B là 55 triệu đồng và mỗi tháng bù lãi cho bà B 400.000 đồng cho đến khi mãn là 22 tháng, ông K, bà Đậm chỉ mới bù lãi được 3 tháng đến 30/12/2018 thì ngưng không trả. Đến nay đã vi phạm nghĩa vụ bù lãi 7 tháng với số tiền 2.800.000đồng. Nay yêu cầu ông K, bà Đậm trả 45.800.000đồng tiền gốc và 2.800.000đồng tiền lãi, tổng cộng là 48.600.000đồng.

Phần tham gia: Ông K hót ngày 30/6/2018 (kỳ thứ 3), đóng đến ngày 30/12/2018 (kỳ thứ 9) thì ngưng không đóng. Phần hụi này ông K phải đóng đến khi mãn là 19 phần x 2.000.000đ = 38.000.000đồng. Vi phạm đến nay là 7 kỳ với số tiền 14.000.000đồng. Tại phiên tòa bà B rút lại yêu cầu phản tố đối với dây hụi này vì chưa có chứng cứ chứng minh.

Tổng số tiền vay và hụi ông K và bà Đậm phải có trách nhiệm thanh toán cho bà B đến khi mãn là 304.200.000đồng, số tiền đã vi phạm đến ngày xét xử sơ thẩm là 272.600.000đồng. Ông K và bà Đậm đồng ý trả toàn bộ số tiền 304.200.000đồng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nên đề nghị Tòa án ghi nhận sự tự nguyện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập Ông Thạch Văn L trình bày:

Ngày 11/3/2019, bà B thỏa thuận bán xe ô tô tải 08 tấn, biển số 62C-103.91 do Bà Mai Thị Ngọc B đứng tên giấy đăng ký xe cho ông Lộc, giá bán theo hợp đồng là 500 triệu đồng nhưng giá bán thực tế là 600 triệu đồng. Ông Lộc đã thanh toán toàn bộ số tiền 600 triệu đồng cho bà B sau khi ký hợp đồng và giao tiền tại phòng công chứng. Bà B đã giao xe cho ông Lộc ngay sau khi ông Lộc giao tiền. Hiện nay, ông Lộc đang quản lý xe và đã nhận được giấy đăng ký xe.

Tại đơn khởi kiện ông Lộc yêu cầu Tòa án buộc bà B và ông T tiếp tục thực hiện hợp đồng. Tuy nhiên, hợp đồng mua bán xe đã thực hiện xong nên ông Lộc yêu cầu rút lại toàn bộ yêu cầu độc lập đối với bà B, ông T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Đậm trình bày: Bà thống nhất lời trình bày của chồng bà là Ông Nguyễn Văn K. Đồng ý thanh toán toàn bộ số tiền nợ hụi và nợ vay với bà B là 304.200.000đồng sau khi có bản án có hiệu lực pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Huỳnh Thị C trình bày: Bà là vợ của Ông Thạch Văn L, bà không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn Huỳnh trình bày: Ngày 08/8/2018 ông Huỳnh thay ông K giao cho bà B 150 triệu đồng tiền mặt. số tiền này rút từ Ngân hàng ra nên có chứng từ. Hiện nay ông Huỳnh không có yêu cầu gì

trong vụ án này.

Vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2019/DS-ST ngày 31/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức đã căn cứ Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 207, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, 119, 122, 129, 131, Điều 464, Điều 466, Điều 469, Điều 470, Điều 357, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Đình chỉ các yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Văn K đối với Bà Mai Thị Ngọc B, Ông Nguyễn Văn T và Ông Nguyễn Minh L về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại những ngày xe không chạy, yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng mua bán xe theo thoả thuận miệng tháng 4/2018 và hợp đồng sang nhượng xe ngày 08/8/2018.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Văn K đối với Bà Mai Thị Ngọc B, Ông Nguyễn Văn T, Ông Thạch Văn L về việc yêu cầu vô hiệu hợp đồng mua bán giữa Bà Mai Thị Ngọc B, Ông Nguyễn Văn T và Ông Nguyễn Minh L với Ông Thạch Văn L theo hợp đồng mua bán xe ngày 11/3/2019 công chứng tại Văn phòng công chứng Đức Hoà.

3. Đình chỉ yêu cầu độc lập của Ông Thạch Văn L đối với Bà Mai Thị Ngọc B, Ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng mua bán xe ngày 11/3/2019 giữa Bà Mai Thị Ngọc B, Ông Nguyễn Văn T với Ông Thạch Văn L được công chứng tại Văn phòng công chứng Đức Hoà.

4. Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của Bà Mai Thị Ngọc B đối với Ông Nguyễn Văn K và Bà Nguyễn Thị Đ về việc yêu cầu trả 38.000.000 đồng tiền hụi trong đây hụi ông K bà Đ tham gia ngày 30/4/2018.

5. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Văn K về việc vô hiệu hợp đồng mua bán tài sản giữa Ông Nguyễn Văn K với Bà Mai Thị Ngọc B, Ông Nguyễn Văn T và Ông Nguyễn Minh L.

Hợp đồng mua bán xe thoả thuận miệng tháng 4/2018 và Hợp đồng sang nhượng xe ô tô ngày 08/8/2018 giữa Ông Nguyễn Văn K với Bà Mai Thị Ngọc B, Ông Nguyễn Văn T, Ông Nguyễn Minh L bị vô hiệu.

Bà Mai Thị Ngọc B, Ông Nguyễn Văn T và Ông Nguyễn Minh L có trách nhiệm liên đới trả cho Ông Nguyễn Văn K và Bà Nguyễn Thị Đ 476.253.233 đồng (Bốn trăm bảy mươi sáu triệu hai trăm năm mươi ba ngàn hai trăm ba mươi ba đồng).

6. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của Bà Mai Thị Ngọc B đối với Ông Nguyễn Văn K và Bà Nguyễn Thị Đ về việc tranh chấp hợp đồng vay và hụi. Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự, Ông Nguyễn Văn K và Bà Nguyễn Thị Đ phải có trách nhiệm liên đới trả cho Bà Mai Thị Ngọc B 304.200.000 đồng (Ba trăm lẻ bốn triệu hai trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

7. Về chi phí xác minh: 1.000.000đồng, ông K tự nguyện chịu và đã nộp xong.

8. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Mai Thị Ngọc B, Ông Nguyễn Văn T và Ông Nguyễn Minh L phải liên đới chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự không có giá ngạch và 23.050.000 đồng án phí có giá ngạch. Khấu trừ số tiền 10.150.000đồng (Mười triệu một trăm năm mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005329 ngày 14/5/2019 và 0005380 ngày 28/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức. Bà B, ông T, ông L tiếp tục phải đóng 13.200.000đồng (Mười ba triệu hai trăm ngàn đồng).

Ông Nguyễn Văn K và Bà Nguyễn Thị Đ phải liên đới chịu 16.443.000đồng (Mười sáu triệu bốn trăm bốn mươi ba ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Khấu trừ số tiền 17.060.000đồng (Mười bảy triệu không trăm sáu mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005095 ngày 15/3/2019 và 0005134 ngày 27/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức. Hoàn trả cho ông K 617.000đồng (Sáu trăm mười bảy ngàn đồng) tạm ứng án phí.

Hoàn trả cho Ông Thạch Văn L số tiền 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005136 ngày 27/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền, thời hạn kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật,

Ngày 13/8/2019, bà Nguyễn Thị Ngọc Bích, Ông Nguyễn Văn T, Ông Nguyễn Minh L kháng cáo không một phần bản án sơ thẩm đối với nghĩa vụ thanh toán của hợp đồng mua bán, cho rằng sau khi căn trừ nợ thì ông K, bà Đậm có nghĩa vụ thanh toán cho bà B số tiền còn nợ là 95.833.233đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận với nhau việc giải quyết vụ án, không cung cấp chứng cứ mới.

Ông Võ Hòa Th đại diện cho bà Nguyễn Thị Ngọc Bích, Ông Nguyễn Văn T, Ông Nguyễn Minh L trình bày: Theo hợp đồng mua bán thì bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền ngay sau khi hai bên ký hợp đồng nhưng thực tế ông K chưa thanh toán tiền cho bà B. Ông K chỉ đưa cho bà B tiền trả Ngân hàng từ tháng 5 đến tháng 11/2018 với số tiền là 126.253.233đồng. Việc bà B từ chối tham gia đối chất không có nghĩa ông K đã thanh toán đủ tiền cho bà B. Ông K không chứng minh được có giao 350.000.000đồng cho bà B nên đề nghị chấp nhận yêu cầu phản tố, yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Ông Từ Thái H đại diện cho Ông Nguyễn Văn K trình bày: Khi tranh chấp xảy ra, tại các buổi làm việc của Ủy ban nhân dân xã Thanh Lợi thì bà B đều xác định ông K chỉ còn nợ bà số tiền 272.622.000đồng; trong đó bao gồm: 63.822.000tiền trả Ngân hàng và tiền bảo hiểm xe, 160.000.000đồng tiền ông K mượn và 48.800.000đồng tiền hụi. Ngoài số tiền này ra thì tại thời điểm hoà giải không còn nợ số tiền nào nữa. Nay bà B lại cho rằng chưa thanh toán tiền mua xe là không có căn cứ.

Bà Nguyễn Thị Đ, Ông Nguyễn Văn H thống nhất với lời trình bày của ông Huy. Ngoài ra, ông Huỳnh xác định số tiền 150.000.000đồng ông đã cho ông K để trả cho bà B ông không có tranh chấp gì trong vụ án này.

Luật sư Lê Minh Tuấn phát biểu: Đại diện bị đơn cho rằng giữa ông K, bà B không có hùn vốn nhưng trong các lời khai của bà B, ông T, ông L trình bày giữa bà B và ông K có hùn vốn mua xe. Đến tháng 4/2018 hai bên thỏa thuận miệng bà B bán xe cho ông K; đến ngày 08/8/2018 ông K và vợ chồng bà B, ông T và con của bà B là ông L ký hợp đồng bán xe cho ông K, ngay sau khi ký hợp đồng mua bán thì ông K đã thanh toán đủ tiền cho bà B. Sau khi việc mua bán thực hiện xong thì ông K là người trả tiền vay cho Ngân hàng từ tháng 5 đến tháng 11/2018 với số tiền là 126.253.233đồng. Đến khi ông K không trả được Ngân hàng, ông K có nhờ bà B choàng dùm ông K vài tháng thì bà B mới lấy lại xe. Sự việc được ông K báo chính quyền địa phương. Tại biên bản làm việc của Ủy ban nhân dân xã Thanh Lợi thì bà B đều xác định ông K chỉ còn nợ bà số tiền 272.622.000đồng; trong đó bao gồm 63.822.000tiền trả ngân hàng và tiền bảo hiểm xe, 160.000.000đồng tiền ông K mượn và 48.800.000đồng tiền hụi. Ngoài số tiền này ra thì tại thời điểm hoà giải không còn nợ số tiền nào nữa nên đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Tòa án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của đương sự trong thời hạn luật định đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: Ông Võ Hòa Th đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng giữa bà B và ông K không có hùn mua xe. Tuy nhiên, lời khai của bà B xác định giữa bà và ông K có hùn mua xe nên lời trình bày của người đại diện cho bà B là không phù hợp. Ông K xác định hai bên hùn vốn mua xe vào tháng 11/2017, mỗi bên bỏ ra 150.000.000đồng, phần tiền còn lại vay Ngân hàng; đến tháng 4/2018 ông K mua lại xe với giá 350.000.000đồng, ông đã thanh toán đủ tiền cho bà B. Lời trình bày của ông K phù hợp với lời khai của bà B được thể hiện tại biên bản lấy lời khai ngày 04/3/2019, bà B xác định ông K muốn lấy xe thì phải thanh toán cho bà B 272.622.000đồng; bao gồm: 63.822.000đồng tiền trả Ngân hàng và tiền bảo hiểm xe, 160.000.000đồng tiền ông K mượn và 48.800.000đồng tiền hụi. Ngoài số tiền này ra thì tại thời điểm hoà giải không còn nợ số tiền nào khác. Từ đó, có căn cứ xác định ông K đã thanh toán đủ số tiền 350.000.000đồng

cho bà B. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn được làm đúng theo quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm đương sự vắng mặt thuộc trường hợp quy định tại Điều 296 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án.

[3] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết các quan hệ “tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, bồi thường thiệt hại về tài sản, hợp đồng vay tài sản và hội”. Các đương sự không kháng cáo về vô hiệu hợp đồng mua bán xe, bồi thường thiệt hại về tài sản, vay tài sản và tranh chấp hợp đồng góp hội. Bị đơn Bà Mai Thị Ngọc B, Ông Nguyễn Văn T, Ông Nguyễn Minh L kháng cáo đối với nghĩa vụ hoàn trả tiền khi vô hiệu hợp đồng mua bán xe của bà B, ông T, ông L đối với ông K. Viện Kiểm sát không kháng nghị. Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 về phạm vi xét xử phúc thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét những nội dung khác không liên quan nội dung kháng cáo. Những nội dung của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Bà Mai Thị Ngọc B, Ông Nguyễn Văn T, Ông Nguyễn Minh L, thấy rằng:

[4.1] Các đương sự trình bày thống nhất giữa Ông Nguyễn Văn K và Bà Mai Thị Ngọc B, Ông Nguyễn Văn T, Ông Nguyễn Minh L có xác lập quan hệ mua bán một chiếc xe tải 08 tấn, nhãn hiệu DOTHANH để kinh doanh chở hàng hoá thoả thuận miệng vào tháng 4/2018 và hợp đồng sang nhượng ngày 08/8/2018 (không công chứng, chứng thực) giữa ông K với bà B, ông T và ông L. Các đương sự đều thống nhất hợp đồng mua bán vô hiệu và không phát sinh thiệt hại, không yêu cầu Toà án xem xét bồi thường do hợp đồng vô hiệu. Ngày 20/02/2019, bà B đã lấy lại xe từ ông K, đến ngày 11/3/2019 bán lại cho Ông Thạch Văn L.

[4.2] Các đương sự chỉ tranh chấp về nghĩa vụ hoàn trả tiền của ông K đối với bà B. Ông K cho rằng, vào tháng 12/2017 giữa ông và bà B có thỏa thuận miệng hùn vốn mua xe, đến tháng 4/2018 bà B, ông T, ông L đồng ý bán xe lại cho ông. Nay bà B lấy xe lại không bán nữa thì bà B, ông T, ông L trả lại 500.914.359đồng; bao gồm: số tiền 150.000.000đồng ông K hùn với bà B bằng tiền mặt vào tháng 12/2017, số tiền 34.661.126đồng ông K đã góp hàng tháng để trả tiền ngân hàng từ tháng 01/2018 đến tháng 4/2018, 190.000.000đồng ông K trả cho bà B theo thoả thuận mua bán tháng 4/2018 và 126.253.233đồng là số tiền ông K giao cho bà B thanh toán tại Ngân hàng từ tháng 5/2018 đến tháng 11/2018. Bà B, ông T, ông L do ông Thuận đại diện xác định bà B là người bỏ tiền mua xe để cho ông K thuê với giá 6.000.000đồng/tháng. Đến tháng 4/2018 các bên thỏa thuận bán xe cho ông K với giá

350.000.000đồng và ông K có nghĩa vụ tiếp tục trả khoản tiền vay Ngân hàng còn lại, nhưng ông K không thanh toán tiền bán xe, không trả nợ Ngân hàng nên bà B lấy lại xe. Thấy rằng, mặc dù, bà B, ông T, ông L không thừa nhận có việc ông K và bà B hùn mua xe. Tuy nhiên, căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sơ vụ án được thể hiện tại biên bản lấy lời khai ngày 22/2/2019, ngày 25/02/2019 do Công an xã Thạnh Lợi lấy lời khai của bà B, ông T, ông L đều xác định giữa bà B và ông K có hùn mua xe (BL 181-184, 189-109). Do đó, có đủ căn cứ xác định giữa bà B và ông K có hùn mua xe. Đến tháng 4/2018, hai bên đã hùn, xe được bán lại cho ông K.

[4.3] Xét thấy, theo ông K trình bày từ tháng 12/2017 đến tháng 4/2018, ông K quản lý xe và góp tiền xe cho bà B theo thỏa thuận hùn vốn mua xe. Vào tháng 4/2018 ông K, bà B thỏa thuận sang nhượng toàn bộ giá trị chiếc xe cho ông K, theo đó từ tháng 5/2018 trở đi thì hàng tháng ông K phải có trách nhiệm thanh toán tiền Ngân hàng và phải có trách nhiệm trả lại số tiền bà B đã đóng góp vào chiếc xe. Ông K phải trả cho bà B 190.000.000đồng bao gồm 150.000.000đồng tiền mặt bà B đã góp tiền mặt khi mua xe và 40.000.000đồng là ước tính số tiền bà B đã trả Ngân hàng từ tháng 01/2018 đến tháng 04/2018. Theo bị đơn thì ông K phải có trách nhiệm trả cho bà B 350.000.000đồng; bao gồm: 275.000.000đồng bà B thanh toán tiền xe bằng tiền mặt ban đầu khi mua xe và 75.000.000đồng là số tiền thanh toán Ngân hàng từ tháng 01/2018 đến tháng 04/2018 (làm tròn). Việc thỏa thuận mua bán xe vào tháng 4/2018 không lập thành văn bản nên chưa có cơ sở xác định ông K phải có trách nhiệm trả cho bà B bao nhiêu tiền.

[4.4] Xét, ngày 08/8/2018 giữa ông K và bà B, ông T, ông L ký kết hợp đồng sang nhượng xe, theo thỏa thuận thì giá trị chuyển nhượng là 350.000.000đồng. Bà B thừa nhận tháng 4/2018 thỏa thuận miệng bán xe cho ông K, theo đó ông K phải trả cho bà B 350.000.000đồng và hàng tháng phải trả tiền tại Ngân hàng. Ngày 08/8/2018 ông K yêu cầu bà B, ông T, ông L ký vào hợp đồng sang nhượng để có cơ sở ông K vay tiền cha để trả cho bà B, giá bán chiếc xe trong hợp đồng là 350.000.000đồng là số tiền ông K phải thanh toán cho bà B. Ông K chỉ thực hiện được một phần nghĩa vụ theo thỏa thuận là đã thanh toán tiền hàng tháng tại Ngân hàng từ tháng 05/2018 đến tháng 11/2018 với số tiền 126.253.233đồng, ngoài ra chưa thanh toán số tiền 350.000.000đồng cho bà B nên nay chỉ đồng ý trả lại 126.253.233đồng. Ông K trình bày số tiền 350.000.000đồng này là tổng số tiền ông K đã thanh toán cho bà B theo thỏa thuận tháng 4/2018 và chứng minh cho việc ông K đã thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán tiền xe cho bà B, trong đó bao gồm tiền đã góp theo thỏa thuận hùn vốn và số tiền phải thanh toán lại cho bà B theo thỏa thuận tháng 4/2018 cũng được chuyển vào tiền mua bán xe. Nội dung hợp đồng thể hiện ông K có nghĩa vụ thanh toán tiền ngay sau khi ký hợp đồng. **Do đó, ông K cho rằng đã hoàn tất nghĩa vụ thanh toán cho bà B thì chỉ có cơ sở xem xét số tiền theo thỏa thuận trong hợp đồng là 350.000.000đồng và tiền ông K gửi đóng Ngân hàng hàng tháng từ tháng 5/2018 đến tháng 11/2018 là 126.253.233 đồng đã được các bên thống nhất, tổng cộng là 476.253.233đồng.**

[4.5] Xét, giao dịch giữa ông K với bà B đều không lập thành văn bản mà chỉ dựa vào sự tin tưởng và các chứng cứ gián tiếp để chứng minh. Sau khi bà B lấy lại xe thì ông K yêu cầu Công an và Ủy ban nhân dân xã Thạnh Lợi hoà giải để

giải quyết tranh chấp. Tại biên lấy lời khai ngày 25/2/2019 do Công an xã Thanh Lợi lập thì Ông Nguyễn Văn T xác định vợ chồng ông lấy xe lại với lý do ông K không đóng tiền lãi hàng tháng cho Ngân hàng và giải quyết dứt điểm xe thuộc sở hữu của ai, ông T cũng không đề cập đến việc ông K còn thiếu tiền bán xe (BL 183-184). Tại Biên bản hoà giải ngày 04/3/2019 của Ủy ban xã Thanh Lợi thì bà B yêu cầu ông K trả đủ số tiền ông K thiếu là 272.622.000đồng thì mới đồng ý giao xe lại cho ông K (BL 95-96). Ông Thuận là người đại diện theo uỷ quyền của bà B trình bày là biên bản hoà giải ngày 04/3/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Lợi chưa thể hiện hết ý chí của bà B và đính chính lại là ngoài số tiền 272.622.000đồng thì bà B còn yêu cầu ông K trả cho bà B 350.000.000đồng tiền xe. Tòa án nhân dân huyện Bến Lức đã làm việc xác minh nội dung hoà giải tại buổi hoà giải ngày 04/3/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Lợi đối với Hội đồng hoà giải, theo biên bản làm việc ngày 08/4/2019 thì tất cả các thành viên Hội đồng hoà giải đều xác định rằng tại buổi hoà giải ngày 04/3/2019 bà B chỉ yêu cầu ông K trả 272.622.000đồng, gồm 63.822.000đồng là tiền trả ngân hàng từ tháng 12/2018 đến tháng 02/2019 và tiền mua bảo hiểm xe, 160.000.000đồng là tiền vay và 48.800.000đồng là tiền hụi, ngoài ra bà B không yêu cầu ông K trả số tiền nào hết (BL 162). Tại biên bản lấy lời khai bà B ngày 13/6/2019 (BL 178), bà B khai “*Tại buổi hoà giải ngày 04/3/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Lợi tôi thừa nhận lời khai của tôi là: Ông K muốn lấy xe về thì phải trả cho tôi 272.622.000 đồng và trả tiền ngân hàng cho đến khi hết nợ nhưng ông K không đồng ý. Số tiền 272.622.000đồng bao gồm 63.822.000 đồng tiền trả ngân hàng và tiền bảo hiểm xe, 160.000.000đồng tiền ông K mượn và 48.800.000đồng tiền hụi. Ngoài số tiền này ra thì tại thời điểm hoà giải không còn số tiền nào nữa*”.

[4.6] Do đó, có cơ sở xác định đến ngày 04/3/2019 thì ông K đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán cho bà B 350.000.000 đồng theo thoả thuận mua bán xe nên bà B phải hoàn trả lại cho ông K số tiền này. Hơn nữa, bà B thừa nhận từ tháng 5/2018 đến tháng 11/2018 ông K trả tiền Ngân hàng với số tiền 126.253.233 đồng. Do hợp đồng mua bán xe giữa ông K với bà B vô hiệu nên bà B phải hoàn trả lại cho ông K, bà Đạm số tiền 476.253.233đồng.

[4.7] Về trách nhiệm hoàn trả tiền: Ông K yêu cầu ông T, ông L cùng liên đới với bà B có trách nhiệm trả lại tiền cho ông K. Ông Thuận đại diện theo uỷ quyền của ông T và ông L đồng ý liên đới cùng bà B thanh toán lại tiền cho ông K, chỉ không thống nhất số tiền phải hoàn trả. Thấy rằng, việc thoả thuận, giao dịch và nhận tiền trực tiếp là do bà B tự mình thực hiện nhưng chồng và con bà B đều biết và đồng ý với giao dịch đó, bà B, ông T và ông L đều ký tên trong Hợp đồng sang nhượng ngày 08/8/2018. Do đó, ông T và ông L phải có trách nhiệm liên đới cùng bà B hoàn trả tiền cho ông K, bà Đạm.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K là có căn cứ. Bà B, ông T, ông L kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không được chấp nhận. Đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ.

[5] Các khoản khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Mai Thị Ngọc B, Ông Nguyễn Văn T, Ông Nguyễn Minh L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo Bà Mai Thị Ngọc B, Ông Nguyễn Văn T, Ông Nguyễn Minh L.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm 47/2019/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 207, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, 119, 122, 129, 131, Điều 464, Điều 466, Điều 469, Điều 470, Điều 357, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Đình chỉ các yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Văn K đối với Bà Mai Thị Ngọc B, Ông Nguyễn Văn T và Ông Nguyễn Minh L về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại những ngày xe không chạy, yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng mua bán xe theo thoả thuận miệng tháng 4/2018 và hợp đồng sang nhượng xe ngày 08/8/2018.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Văn K đối với Bà Mai Thị Ngọc B, Ông Nguyễn Văn T, Ông Thạch Văn L về việc yêu cầu vô hiệu hợp đồng mua bán giữa Bà Mai Thị Ngọc B, Ông Nguyễn Văn T và Ông Nguyễn Minh L với Ông Thạch Văn L theo hợp đồng mua bán xe ngày 11/3/2019 công chứng tại Văn phòng công chứng Đức Hoà.

3. Đình chỉ yêu cầu độc lập của Ông Thạch Văn L đối với Bà Mai Thị Ngọc B, Ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng mua bán xe ngày 11/3/2019 giữa Bà Mai Thị Ngọc B, Ông Nguyễn Văn T với Ông Thạch Văn L được công chứng tại Văn phòng công chứng Đức Hoà.

4. Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của Bà Mai Thị Ngọc B đối với Ông Nguyễn Văn K và Bà Nguyễn Thị Đ về việc yêu cầu trả 38.000.000 đồng tiền hụi trong dây hụi ông K bà Đạm tham gia ngày 30/4/2018.

5. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Văn K về việc vô hiệu hợp đồng mua bán tài sản giữa Ông Nguyễn Văn K với Bà Mai Thị Ngọc B, Ông Nguyễn Văn T và Ông Nguyễn Minh L.

Hợp đồng mua bán xe thoả thuận miệng tháng 4/2018 và Hợp đồng sang nhượng xe ô tô ngày 08/8/2018 giữa Ông Nguyễn Văn K với Bà Mai Thị Ngọc B, Ông Nguyễn Văn T, Ông Nguyễn Minh L bị vô hiệu.

Bà Mai Thị Ngọc B, Ông Nguyễn Văn T và Ông Nguyễn Minh L có trách nhiệm liên đới trả cho Ông Nguyễn Văn K và Bà Nguyễn Thị Đ 476.253.233đồng (bốn trăm bảy mươi sáu triệu hai trăm năm mươi ba ngàn hai trăm ba mươi ba đồng).

6. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của Bà Mai Thị Ngọc B đối với Ông Nguyễn Văn K và Bà Nguyễn Thị Đ về việc tranh chấp hợp đồng vay và hui. Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự, Ông Nguyễn Văn K và Bà Nguyễn Thị Đ phải có trách nhiệm liên đới trả cho Bà Mai Thị Ngọc B 304.200.000 đồng (ba trăm lẻ bốn triệu hai trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Về chi phí xác minh: 1.000000 đồng (một triệu đồng), ông K tự nguyện chịu và đã nộp xong.

7. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Mai Thị Ngọc B, Ông Nguyễn Văn T và Ông Nguyễn Minh L phải liên đới chịu 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự không có giá ngạch và 23.050.000đồng án phí có giá ngạch. Khấu trừ số tiền 10.150.000đồng (mười triệu một trăm năm mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo bên lai thu số 0005329 ngày 14/5/2019 và 0005380 ngày 28/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức. Bà B, ông T, ông L tiếp tục phải đóng 13.200.000đồng (mười ba triệu hai trăm ngàn đồng).

Ông Nguyễn Văn K và Bà Nguyễn Thị Đ phải liên đới chịu 16.443.000đồng (Mười sáu triệu bốn trăm bốn mươi ba ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Khấu trừ số tiền 17.060.000đồng (mười bảy triệu không trăm sáu mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo bên lai thu số 0005095 ngày 15/3/2019 và 0005134 ngày 27/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức. Hoàn trả cho ông K 617.000đồng (sáu trăm mười bảy ngàn đồng) tạm ứng án phí.

Hoàn trả cho Ông Thạch Văn L số tiền 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005136 ngày 27/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Mai Thị Ngọc B, Ông Nguyễn Văn T, Ông Nguyễn Minh L mỗi người phải chịu 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí Bà Mai Thị Ngọc B, Ông Nguyễn Văn T, Ông Nguyễn Minh L mỗi người đã nộp 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0001185, 0001184, 0001183 ngày 13/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

6. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi

hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Bến Lức;
- Chi cục THADS huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Hồng Vân

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Hồng Vân

